

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm công tác 6 tháng cuối năm 2022

Trong 6 tháng đầu năm 2022, thực hiện nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác điều hành kinh tế - xã hội, Bộ đã thực hiện tốt chủ đề điều hành "*Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển*" chủ động, sáng tạo triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách; các đơn vị trực thuộc Bộ đã bám sát các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ tập trung thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Tiếp tục đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh phát huy các nguồn lực tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu cho phục hồi và phát triển sau đại dịch. Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Hoàn thành tổng kết thực tiễn, đề xuất chủ trương, định hướng làm cơ sở để hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong giai đoạn tiếp theo

Bộ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành việc tổng kết 02 Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về đất đai và khoáng sản, trên cơ sở đó Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về "*Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*", Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, Bộ đã tập trung thể chế hóa trong dự án Luật đất đai (sửa đổi) và đề xuất các chính sách trong đề nghị sửa đổi Luật khoáng sản.

Trong 6 tháng đầu năm, thực hiện Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹, Chương trình công tác năm 2022 của Bộ, các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Chương trình 2022*), Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 03/04 văn bản² trong chương trình; **02** văn bản³

¹ Công văn số 509/VPCP-TH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ.

² Gồm: (1) Đề nghị xây dựng Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (2) Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha; (3) Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT Còn **01** văn bản chậm trình là Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai Bộ Tư pháp đang thẩm định.

thuộc Chương trình chuyển tiếp từ năm 2021. Tiếp thu giải trình, hoàn thiện đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **04** nghị định, **01** Quyết định⁴; Bộ trưởng đã ban hành **08** Thông tư, còn **01** Thông tư⁵ chậm trình, 02 Thông tư điều chỉnh sang chương trình 6 tháng cuối năm. Bộ cũng đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ đề tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành các Nghị định Bộ đã trình trong năm 2019, 2020, 2021⁶.

Chi tiết tại Phụ lục 01a, 01b.

2. Triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp

Triển khai Kế hoạch thanh tra và kiểm tra năm 2022⁷, Bộ đã thực hiện 06 cuộc kiểm tra, tập trung vào: tình trạng phân lô, bán nền, chuyển mục đích đất lúa, giao khu vực biên và cấp giấy phép nhận chìm ở biên, công tác cấp phép, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Trong 6 tháng đầu năm, Bộ đã tổ chức tiếp 63 lượt công dân với 101 người (có 07 lượt đoàn đông người), giảm 51 lượt. Bộ đã tiếp nhận 1.591 lượt đơn, thư (tương đương so với cùng kỳ năm 2021), trong đó: 624 đơn thư phải xử lý⁸ (giảm 141 đơn thư so với cùng kỳ năm 2021).

3. Triển khai kế hoạch chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 721/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, theo đó, đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa **153 TTHC** trên tổng số 178 TTHC được rà soát (**đạt 85%**)⁹. Chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án

³ Gồm: (1) Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; (2) Dự thảo Quyết định Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

⁴ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; KTTV; đo đạc và bản đồ; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT. Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT và Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.

⁵ Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất; Thông tư hướng dẫn công tác quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm.

⁶ Dự thảo Nghị định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Tờ trình số 67/TTr-BTNMT ngày 30/11/2020); Dự thảo Nghị định quy định về thế chấp, cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản; bồi thường khi Nhà nước thu hồi khu vực biển (Tờ trình số 34/TTr-BTNMT ngày 29/6/2021); Dự thảo Nghị định quy định lần biên (Tờ trình số 72/TTr-BTNMT ngày 21/10/2021).

⁷ Quyết định số 2507/QĐ-BTNMT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng về Kế hoạch thanh tra và Công văn số 52/BTNMT-TTr, ngày 05/01/2022;

⁸ Trong đó có 42 đơn tranh chấp đất đai (chiếm 6,73%); 532 đơn khiếu nại (chiếm 85,26%); 18 đơn đòi lại đất (chiếm 2,88%) và 32 đơn tố cáo (chiếm 5,13%); Trong 624 vụ việc có 01 vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao; 51 vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của Bộ; 11 vụ việc đã có quyết định giải quyết lần hai của địa phương; 561 vụ việc đang thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương.

⁹ Cụ thể: (1) Lĩnh vực đất đai: 12/17 TTHC, chiếm 70,5%; (2) Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 28/32 TTHC, chiếm 87,5%; (3) Lĩnh vực TNN 27/32 TTHC, chiếm 84,3%; (4) Lĩnh vực KTTV 08/08 TTHC, chiếm 100%; (5) Lĩnh vực

cắt giảm, đơn giản hóa TTHC là **131.622 triệu đồng** (chiếm tỷ lệ **21,9%** trên tổng chi phí tuân thủ quy định TTHC). Bộ đã công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường trong đó cắt giảm, đơn giản hóa 40% TTHC, giảm thời gian thực hiện các TTHC từ 20 - 85 ngày. Về cải cách hành chính của Bộ năm 2021 (Paindex) đạt **87.14/100** điểm xếp thứ 6 trên tổng số 17 các Bộ, cơ quan ngang bộ, thấp hơn 01 bậc so với năm 2020.

Triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ Dự án tiền khả thi xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022); Đề án xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường; Đề án xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Cung cấp 74 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ đạt tỷ lệ trên 75,8%; tích hợp, cung cấp 33 TTHC (tương ứng 48 DVCTT mức độ 3, 4 trong đó 19 DVCTT mức độ 4, đạt tỷ lệ > 39,6%) lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Triển khai kết nối Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hướng dẫn các địa phương thực hiện liên quan triển khai cung cấp dịch vụ công “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp và chuẩn bị các điều kiện để kết nối, liên thông dữ liệu đất đai ở địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia¹⁰.

4. Hoàn thành trình Chính phủ phương án kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ khóa XV; sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình về quản lý, sử dụng công chức, viên chức

Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT¹¹; xây dựng chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, bộ máy của đơn vị. Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện các Nghị quyết: số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII. Thực hiện tạm giao biên chế năm 2022 cho các tổ chức hành chính trực thuộc Bộ; tạm giao số lượng người làm việc năm 2022 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo quy định và xây dựng Kế hoạch biên chế công chức và kế hoạch số lượng người làm việc năm 2023.

Thực hiện các hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, quy định của Chính phủ, Bộ đã chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm trong ngành TN&MT; rà soát, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế trong công tác cán bộ theo hướng tăng cường phân cấp đi đôi với xác định

biển và hải đảo: 25/25 TTHC, chiếm 100%; (6) Lĩnh vực ĐDBĐ và thông tin địa lý: 01/03 TTHC, chiếm 33%;(7) Lĩnh vực môi trường: 52/62 TTHC, chiếm 83,87% (bãi bỏ + sửa đổi).

¹⁰ Đến thời điểm hiện nay đã có 19 tỉnh/thành phố kết nối, liên thông dữ liệu đất đai Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia.

¹¹ Dự thảo Nghị định đang được lấy ý kiến của các Thành viên Chính phủ.

rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu, từng cá nhân; tổ chức quán triệt kịp thời, hướng dẫn các đơn vị nghiên cứu, triển khai các văn bản mới của Đảng, Nhà nước trong công tác cán bộ. Thực hiện rà soát, phối hợp tổ chức thi nâng hạng, nâng ngạch công chức, viên chức.

5. Công tác kế hoạch - tài chính và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

a) *Về xây dựng cơ chế quản lý tài chính:* Bộ trưởng đã ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn và Quy chế quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ¹². Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo rà soát, đề xuất sửa đổi ngay những quy định chưa phù hợp trong các quy chế quản lý về kế hoạch tài chính để bảo đảm linh hoạt trong chỉ đạo điều hành.

b) *Về thu ngân sách:* Tính đến ngày **08/7/2022** thu ngân sách đạt **3.918/54.569** triệu đồng đạt **7%** dự toán được giao, giảm gần 6% so với cùng kỳ năm 2021, do một số khoản thu có chỉ tiêu theo dự toán cao nhưng chưa phát sinh số thu¹³.

c) *Về giải ngân các nguồn vốn:*

- *Đối với nguồn vốn chi thường xuyên:* Đến nay, tiến độ giải ngân Kho bạc là:

+ Vốn trong nước: **616.856/1.959.070** triệu đồng đạt 31.5% dự toán được giao (thấp so với cùng kỳ năm 2021 đạt 41,7%).

+ Vốn nước ngoài: **34.145/328.500** triệu đồng đạt 10.4 % dự toán giao.

Chi tiết kết quả thực hiện dự toán NSNN tại Phụ lục 02a.

- *Đối với vốn sự nghiệp BVMT môi trường trung ương:* Đã phân bổ đợt 1 là **1.256.220/1.710.000** triệu đồng¹⁴ và đề xuất Bộ Tài chính phân bổ kinh phí đợt 2 là 296.767/453.780 triệu đồng¹⁵.

- *Về nguồn vốn đầu tư công:* năm 2022, Bộ được giao 1.706.331 triệu đồng; Bộ đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022¹⁶ với tổng số vốn là **1.455.947** triệu đồng¹⁷; đối với 250.364 triệu đồng vốn nước ngoài Bộ đã đề nghị Chính phủ để điều chuyển cho các dự án khác theo phương án tái cơ cấu các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận¹⁸. Cùng với vốn giao năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép kéo dài từ năm 2021 sang năm 2022 số vốn là 213.461 triệu đồng. Đến ngày 08/7/2022, Bộ đã giải ngân được **372.772/1.455.947** triệu đồng¹⁹, đạt **25,6%**, tương đương với tỷ lệ bình quân chung của cả nước. Giải ngân vốn kéo dài năm 2021 được 57.079 triệu đồng/213.461 triệu đồng, đạt 26,74%.

¹² Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 và Quyết định số 385/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022

¹³ Gồm các loại phí: thẩm định ĐTM 20,38 tỷ đồng, thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường 10 tỷ đồng; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường 6.500 triệu đồng.

¹⁴ bao gồm: Phần vốn trong nước cho nhiệm vụ của Bộ TNMT 506,40 tỷ đồng; 34 bộ ngành khác là 417,63 tỷ đồng; CTMTQG: 53,00 tỷ đồng; vốn ngoài nước là: 279,189 tỷ đồng. Kinh phí để lại phân bổ sau là: 453,78 tỷ đồng.

¹⁵ 17/34 Bộ ngành đề xuất, tổng kinh phí 323.765 triệu đồng, trong đó, Bộ TNMT là 156.237 triệu đồng.

¹⁶ Quyết định số 819/QĐ-BTNMT ngày 22/4/2022

¹⁷ Trong đó: vốn trong nước 1.306.500 triệu đồng, vốn nước ngoài 149.477 triệu đồng

¹⁸ Bộ đã có Công văn số 2874/BTNMT-KHTC ngày 26/5/2022 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đề xuất cắt giảm kế hoạch đầu tư công, vốn nước ngoài năm 2022 đã giao cho Bộ TNMT để bố trí cho các Bộ, ngành khác.

¹⁹ Trong đó vốn trong nước là 269.157/1.306.500 triệu đồng, vốn nước ngoài 10.888/149.447 triệu đồng.

Việc giải ngân chậm do nhiều nguyên nhân: (1) chậm trễ, lúng túng trong chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà thầu; (2) lúng túng trong triển khai vốn quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và pháp luật về đầu tư công; (3) Đối với các dự án nước ngoài (ODA) còn tuân thủ những điều kiện ràng buộc từ nhà tài trợ nên thời gian thẩm định, phê duyệt thiết kế, công nghệ thiết bị và lựa chọn nhà thầu kéo dài gây chậm tiến độ; (4) việc điều chuyển vốn nước ngoài còn vướng mắc do chính sách của Nhà tài trợ chưa thống nhất với các quy định của Bộ Tài chính.

Chi tiết tại Phụ lục 02b.

d) Về tình hình phê duyệt nhiệm vụ và quyết toán

- Về các nhiệm vụ mở mới: Bộ phê duyệt Danh mục **28** nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm 2022, tổng kinh phí khái toán **239.172** triệu đồng. Đến nay đã phê duyệt **11/28** nhiệm vụ, bố trí kinh phí **159.032** triệu đồng.

- Về các nhiệm vụ chuyển tiếp: Bộ có **89** nhiệm vụ nguồn SNKT, **56** nhiệm vụ cấp Bộ sử dụng vốn sự nghiệp môi trường chuyển tiếp sang năm 2022, trong đó:

+ Đối với 89 nhiệm vụ nguồn sự nghiệp kinh tế: Lũy kế đã phân bổ đến 2022 là 3.057.350 triệu đồng; còn lại **4.073.926** triệu đồng chưa phân bổ.

+ Đối với **56 nhiệm vụ cấp Bộ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT** lũy kế giao dự toán đến năm 2022 là: 500.053 triệu đồng, còn lại chưa bố trí kinh phí: 720.917 triệu đồng.

Chi tiết tại Phụ lục 02c.

- Về phê duyệt hoàn thành: đến nay, Bộ đã phê duyệt hoàn thành **54/61** nhiệm vụ kết thúc năm 2019; **32/37** nhiệm vụ kết thúc năm 2020; **12/43** nhiệm vụ kết thúc năm 2021.

- Về quyết toán dự án hoàn thành:

+ Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Bộ đã phê duyệt quyết toán hoàn thành **46/61** nhiệm vụ kết thúc năm 2019; **22/37** nhiệm vụ kết thúc năm 2020; **9/40** nhiệm vụ kết thúc năm 2021.

+ Đối với nguồn vốn đầu tư công: Thực hiện thẩm định quyết toán hoàn thành 03 dự án đầu tư²⁰ theo đúng quy định, không bị chậm trễ kéo dài.

e) Quản lý công sản: Bộ đã rà soát chủ trương sắp xếp với 587 cơ sở nhà, đất.

g) Về kinh phí cho nhiệm vụ quy hoạch: Đối với 02 Quy hoạch tổng thể quốc gia và 06 quy hoạch ngành quốc gia, Bộ đã bố trí đủ kinh phí 93.136 triệu đồng. Đối với 15 quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (tổng khái toán 207.594 triệu đồng)²¹, đã bố trí đến hết năm 2022 là 16.222 triệu đồng; số kinh phí còn lại chưa bố trí là 164.909 triệu đồng.

²⁰ (1) Dự án “Tăng cường năng lực thiết bị thi công các nhiệm vụ điều tra địa chất - khoáng sản, tai biến địa chất và môi trường địa chất”; (2) Dự án Hợp phần 2 “Tăng cường hệ thống dự báo thời tiết và cảnh báo sớm” thuộc dự án “Quản lý thiên tai” - WB5; (3) Chi phí chuẩn bị đầu tư dự án “Xây dựng mới Đài KTTV tỉnh Hòa Bình và Trạm Khí tượng Hòa Bình”.

²¹ Gồm 02 quy hoạch lĩnh vực (Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia và Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước) và 13 quy hoạch lưu vực sông;

6. Triển khai tích cực, đa dạng các hoạt động hợp tác quốc tế; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ

Các hoạt động trao đổi đoàn đã được triển khai trở lại sau thời gian gián đoạn vì đại dịch Covid-19 đưa hợp tác, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu nhất là trong ngoại giao về khí hậu qua đó khẳng định vai trò quan trọng của Bộ với tư cách là Cơ quan thường trực triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP26. Tăng cường hợp tác với cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ; Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên Việt Nam (WWF); Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC);... tập trung vào các nội dung về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý đất đai.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện 101 đề tài cấp bộ chuyển tiếp với tổng kinh phí phê duyệt phân bổ cho năm 2022 là 87.208 triệu đồng (trong đó có 83 đề tài sẽ kết thúc trong năm 2022). Mở mới và triển khai thực hiện 77 đề tài cấp Bộ, 15 đề tài cấp cơ sở (với tổng kinh phí là 58.685 triệu đồng), 02 dự án tăng cường năng lực nghiên cứu kinh phí 3.192 triệu đồng dự kiến kết thúc năm 2022. Xây dựng các quy chuẩn quốc gia về môi trường, khoáng sản, khí tượng thủy văn; nghiên cứu các mô hình công nghệ trong xử lý chất thải phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

7. Tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ giải pháp nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung xây dựng Luật đất đai (sửa đổi); xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai sửa đổi ngay những vướng mắc từ thực tiễn thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội, Bộ đã thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất đai quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; trình Chính phủ xem xét, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo đẩy nhanh việc lập, thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bộ đã chỉ đạo rà soát, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trương việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa cho Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; xử lý giải quyết 132 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đặc dụng.

Hướng dẫn các địa phương thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ công về đất đai trên cổng dịch vụ công quốc gia; đôn đốc 34 tỉnh tổ chức thực hiện đề án sắp xếp đất đai có nguồn gốc nông, lâm trường²²; kịp thời hướng dẫn tháo gỡ các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chấn chỉnh hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, rà soát xử lý tình trạng lãng phí, đất đai để hoang hóa²³; phối hợp với Thanh tra Chính phủ rà soát vướng mắc của các dự án sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, bản án để phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

²² Đến nay, đã có 27/34 tỉnh đã phê duyệt Đề án, nhưng do còn có khó khăn về ngân sách nên nhiệm vụ này hầu hết các địa phương đang chậm được triển khai thực hiện

²³ Tại thời điểm năm 2018, cả nước có 141.922 ha đất của các dự án chậm triển khai, để lãng phí đến nay cả nước còn 27.968 ha.

8. Triển khai các chủ trương, định hướng lớn của Đảng về địa chất và khoáng sản trong giai đoạn mới

Tập trung triển khai xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 3030, tầm nhìn đến 2050. Điều tra, đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng lãnh thổ, xây dựng, phát triển hạ tầng dải ven bờ biển Việt Nam; xây dựng Dự án Đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, xây dựng và đánh giá tiềm năng, trữ lượng các loại khoáng sản là kim loại, đất hiếm phục vụ cho việc sản xuất pin, lưu trữ năng lượng, ứng dụng trong lắp ráp các thiết bị, phương tiện thân thiện với môi trường đón đầu xu thế chuyển dịch năng lượng trên thế giới.

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường giải quyết cơ bản nhu cầu nguồn vật liệu san lấp cho Dự án đường cao tốc Bắc Nam phía Đông; cơ bản hoàn thành rà soát và đề xuất khoanh định khu vực dự trữ cho 02 loại khoáng sản: apatit và titan để tháo gỡ những vướng mắc cho triển khai các dự án đầu tư.

Ban hành 09 Giấy phép khai thác, 11 Giấy phép thăm dò, 21 Quyết định đóng cửa mỏ, 09 Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, 04 Quyết định phê duyệt tiền sử dụng số liệu, thông tin, 12 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với tổng số tiền 67,6 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp là **2.422** tỷ đồng²⁴.

9. Tập trung hoàn thành các quy hoạch về tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông

Tập trung sửa đổi Luật tài nguyên nước. Hoàn thành việc lập, trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long, sông Hồng - Thái Bình, xây dựng hoàn thiện Báo cáo hiện trạng tài nguyên nước quốc gia. Đến nay đã kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ. Bộ đã chỉ đạo các địa phương công bố các ao, hồ, không được san lấp và công bố các khu vực bảo vệ nguồn nước.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Bộ đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân cho 50 công trình với tổng số tiền là 414.090 triệu đồng.

10. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

Rà soát, đánh giá thực tiễn sửa đổi Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy

²⁴ Trong đó, Quyết định do Bộ TN&MT ban hành là 1.262 tỷ đồng, Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành là 1.160 tỷ đồng

định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển để tháo gỡ các vướng mắc cho phát triển các ngành kinh tế biển, ven biển, khai thác tiềm năng điện gió, sóng ngoài khơi²⁵. Triển khai lập Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức Diễn đàn Phát triển bền vững Kinh tế biển Việt Nam năm 2022. Triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

11. Tập trung triển khai Luật bảo vệ môi trường

Bộ đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tuyên truyền, tập huấn các địa phương để tổ chức triển khai trong thực tiễn. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Hoàn thiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn, rác thải là tài nguyên được tái chế, tái sử dụng thay cho chôn lấp trực tiếp. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị ô nhiễm. Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn mô hình, công nghệ xử lý, tái chế xử lý chất thải rắn thân thiện môi trường. Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo, phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng.

Công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước đã có những chuyển biến tích cực, sự quan tâm, nhận thức của cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường được nâng cao. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị ước đạt 94,71%, nông thôn đạt 83%, cao hơn mục tiêu²⁶; 91% số KCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; thực hiện giám sát chặt chẽ môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường cao²⁷; hoàn thành xử lý triệt để 372/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phối hợp với Bộ Công an kiểm tra xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; triển khai kế hoạch, biện pháp cụ thể với sự tham gia liên ngành và địa phương để giải quyết tình trạng gia tăng ô nhiễm lưu vực sông.

12. Dự báo, cảnh báo chính xác, kịp thời các nguy cơ thiên tai phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội

²⁵ Theo kết quả khảo sát của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam có tiềm năng gió trung bình so với các nước trên thế giới và trong khu vực nhưng thuộc diện lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á với tổng tiềm năng điện gió ước đạt 513.360 MW, lớn gấp 200 lần công suất của nhà máy thủy điện Sơn La và hơn 10 lần tổng công suất dự báo của ngành điện Việt Nam năm 2020. Trong đó, khu vực ven biển cực Nam Trung Bộ có mật độ năng lượng khoảng 400-600W/m². Ngoài ra trên khu vực vịnh Bắc Bộ cũng có mật độ năng lượng đạt 300-400W/m².

²⁶ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn

²⁷ Gồm: Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo; Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; Trung tâm điện lực Vĩnh Tân, Trung tâm Điện lực Duyên Hải, Trung tâm Điện lực Sông Hậu, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên.

Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc và Chiến lược phát triển Ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung lập Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án hiện đại hóa ngành KTTV đến năm 2025. Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động khí tượng thủy văn.

Cung cấp kịp thời các bản tin dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm, đã theo dõi và dự báo kịp thời 01 cơn bão, 13 đợt không khí lạnh, 04 đợt nắng nóng và 05 đợt mưa lớn trên diện rộng, 04 đợt lũ trên phạm vi cả nước. Đặc biệt đã thực hiện dự báo bản tin phục vụ kỳ họp Quốc hội và Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games 31).

13. Triển khai các chủ trương, chiến lược về ứng phó với BĐKH tận dụng các cơ hội cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp với mục tiêu cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26

Bộ đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH đến năm 2050; Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26 về BĐKH. Xây dựng Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030, phối hợp với Bộ Tài chính tiếp tục hoàn thiện Đề án thành lập thị trường các-bon tại Việt Nam.

Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 trong điều phối, chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; đề xuất kế hoạch và tổ chức đàm phán Tuyên bố chính trị về quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng...Đề xuất các nội dung, dự án hợp tác hoặc thỏa thuận có thể ký kết cho giai đoạn tiếp theo trong khuôn khổ Thỏa thuận đối tác chiến lược giữa hai Chính phủ Việt Nam và Hà Lan về thích ứng với BĐKH và quản lý nước. Làm việc với các đối tác quốc tế: Giám đốc AFD tại Việt Nam về tình hình thực hiện Chương trình GEMMES, đại diện WB, Ngân hàng BIDV, UNEP về hợp tác triển khai thực hiện kết quả COP26, NDC, dự án liên quan...

14. Chủ động tham gia các nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa thông tin địa lý quốc gia

Triển khai Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; Xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính của các tỉnh; Dự án “Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử”. Phối hợp với Ủy ban Biên giới quốc gia trong các hoạt động khảo sát, xác định hướng đi của đường biên giới đất liền. Điều tra khảo sát bổ sung, xây dựng bản đồ dị thường động lực các vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng; Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp phương

pháp địa vật lý - hải dương xác định dịch chuyển bờ ngầm và địa chất tầng nông đới bờ phục vụ đánh giá, dự báo xâm thực bờ biển và đề xuất một số giải pháp phòng, chống xâm thực dải ven biển Việt Nam.

15. Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát, quản lý tài nguyên, quản lý quy hoạch

Triển khai dự án “Tăng cường năng lực giám sát tài nguyên môi trường cho Cục Viễn thám quốc gia tại số 79 Văn Tiên Dũng”; Dự án “Thiết lập và triển khai Hệ thống thông tin địa lý về Tính dễ tổn thương do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam dựa trên Công nghệ viễn thám” do chính phủ Italia tài trợ thông qua Bộ chuyên đổi sinh thái Italia. Cập nhật tình hình thu nhận ảnh viễn thám VNREDSat-1 hàng tuần, theo dõi lịch vệ tinh để đặt chụp ảnh VNREDSat-1 hàng ngày; theo dõi tình hình thu nhận ảnh SPOT6, SPOT7. Xây dựng trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý ảnh vệ tinh (trong Chương trình Hợp tác ASEAN - Ấn Độ).

16. Tình hình thực hiện Chương trình công tác, các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ giao

16.1. Tình hình thực hiện Chương trình công tác

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 08/09 đề án, nhiệm vụ²⁸, có 01 đề chậm trình (Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai). Đối với nhiệm vụ trình Bộ trưởng **08** Thông tư, còn **01** Thông tư chậm trình và 02 Thông tư phải điều chỉnh sang chương trình 6 tháng cuối năm²⁹.

Chi tiết tại Phụ lục 03.

16.2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ giao

a. Tổng số nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 969 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 542/969 (đạt 56%), trong đó:
 - + Hoàn thành đúng hạn: 345/542 nhiệm vụ (chiếm 63,7%);
 - + Hoàn thành nhưng quá hạn: 197/542 nhiệm vụ (chiếm 36,3%);
- Số nhiệm vụ đang triển khai thực hiện (trong hạn): 385/969 (chiếm 39,7%);

²⁸ gồm: (1) Đề nghị xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi; (2) Đề án tháo gỡ khó khăn vướng mắc, giải phóng nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội phục hồi sau đại dịch Covid-19; (3) Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (4) Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; (5) Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại COP 26 về biến đổi khí hậu; (6) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; (7) Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (8) Đề nghị xây dựng dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi).

²⁹ Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất; Thông tư hướng dẫn công tác quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm.

- Số nhiệm vụ đã **quá hạn chưa hoàn thành: 42/969** (chiếm **4,3%**, **tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2021**).

Các nhiệm vụ chậm tiến độ chủ yếu là các nhiệm vụ liên quan đến hồ sơ chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa do Văn phòng Chính phủ chuyển đến và giải quyết khiếu nại của người dân, doanh nghiệp.

b. Tổng số nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ giao: 1948 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 1461/1948 (đạt 75%), trong đó:

+ Hoàn thành đúng hạn: 696/1461 nhiệm vụ (chiếm 47,7%);

+ Hoàn thành nhưng quá hạn: 765/1461 nhiệm vụ (chiếm 52,3%);

- Số nhiệm vụ đang triển khai thực hiện (trong hạn): 340/1948 (chiếm 17,5%);

- Số nhiệm vụ đã **quá hạn chưa hoàn thành: 147/1948** (chiếm **7,5%**, **tương đương so với cùng kỳ năm 2021**).

Một số đơn vị có số lượng nhiệm vụ được giao quá hạn nhiều và thường xuyên nhưng công tác đôn đốc, rà soát, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ chưa được quan tâm và phối hợp tốt như: Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ Pháp chế.

Chi tiết tại Phụ lục 04.

16.3. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ TNMT

Tính đến hết ngày 30/6/2022, Bộ đã thực hiện xử lý tổng số 4.351 hồ sơ³⁰, cụ thể: 1.645 hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính/trực tiếp; 1.379 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến. Các đơn vị đã xử lý và trả kết quả cấp phép cho **3.061** hồ sơ, đạt tỷ lệ hoàn thành là **70,3%** (thấp hơn **2,5%** so với cùng kỳ năm 2021), trong đó:

+ **2.787** hồ sơ trả kết quả đúng hạn chiếm 91% (tăng so với cùng kỳ năm 2021 là **1,6%**)

+ **274** hồ sơ trả quá hạn, chiếm 9%; tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Đang thực hiện xử lý **1.290** hồ sơ, trong đó hiện có 83 hồ sơ³¹ đã quá hạn trả kết quả, chiếm 6,4% hồ sơ đang xử lý, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Chi tiết tại Phụ lục 05.

Hệ thống thông tin một cửa điện tử vẫn còn một số vướng mắc, bất cập vẫn chưa được khắc phục triệt để như: tốc độ đường truyền mạng chậm, công tác thống kê, báo cáo, kết xuất số liệu trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử còn hạn chế, một số mẫu biểu báo cáo chưa hoàn thiện; thao tác về tra cứu, tiếp nhận, phân công, công khai...có lúc còn phát sinh lỗi.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

³⁰ Gồm 1.327 hồ sơ chuyển tiếp năm 2021 và 3.024 hồ sơ nộp mới năm 2022

³¹ Gồm: 65 hồ sơ thuộc lĩnh vực môi trường; 11 hồ sơ thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; 04 hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai; 02 hồ sơ thuộc lĩnh vực biển và hải đảo; 01 hồ sơ cấp giấy phép đo đạc và bản đồ.

Nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong Chương trình công tác năm, Chương trình hành động của ngành thực hiện các Nghị quyết: số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP của Chính phủ và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong 6 tháng cuối năm 2022, các đơn vị cần tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác phối hợp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Chính phủ đề trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật đất đai tại kỳ họp thứ 4, tháng 10/2022.

- Trình Chính phủ 03 Nghị định: sửa đổi bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định việc giao khu vực biển nhất định cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 201/2013/NĐCP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. Ban hành theo thẩm quyền 18 Thông tư.

2. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia; Quy hoạch bảo vệ môi trường, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia, quy hoạch tài nguyên nước các lưu vực sông. Tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định đề trình Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch Tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 và các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước. Đẩy nhanh tiến độ giám định, định giá trong các vụ việc tố tụng để đưa ra xét xử các vụ việc vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

4. Hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc Bộ ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT bảo đảm các đơn vị sau khi kiện toàn, sắp xếp hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt. Ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên ngành TN&MT; định mức biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành TN&MT.

Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức cán bộ và CCHC của Bộ; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Bộ. Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức ngành TN&MT, cử công chức thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính đối với công chức của Bộ. Thực hiện

có hiệu quả công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức.

5. Tiếp tục giao dự toán ngân sách năm 2022 (phần để lại chưa phân bổ); kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện dự toán ngân sách. Tổng hợp, cập nhật kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022-2024. Báo cáo Quốc hội cho phép sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trung ương cho các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách BVMT có tính chất đầu tư. Chỉ đạo các chủ đầu tư lập, đăng ký kế hoạch giải ngân từng dự án đảm bảo tiến độ giải ngân theo yêu cầu của Chính phủ. Nghiệm thu, thanh toán theo khối lượng, thực hiện các thủ tục ứng vốn theo quy định. Rà soát, sửa đổi Quy chế quản lý đầu tư công và Quy chế quản lý dự án ODA thuộc Bộ TN&MT; thực hiện cắt giảm nội dung, lồng ghép, dừng thực hiện những nhiệm vụ không còn cấp bách. Rà soát, cắt giảm nhiệm vụ, chỉ xem xét mở mới trong năm 2023 nhiệm vụ cấp bách để đảm bảo kinh phí cho hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp.

6. Tập trung phối hợp với Bộ KH&ĐT trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường”; triển khai dự án tăng cường năng lực quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo đúng kế hoạch. Ban hành và trình ban hành các văn bản pháp lý cho vận hành, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường. Kết nối cơ sở dữ liệu về dân cư với cơ sở dữ liệu về đất đai. Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (bao gồm các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu) lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin một cửa quốc gia.

7. Lĩnh vực quản lý đất đai: Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương xử lý các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng; đề xuất các phương án giải quyết các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra trên địa bàn. Chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối dữ liệu đất đai với dữ liệu dân cư; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục về quyền của người sử dụng đất. Chủ động, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ đối với các vụ việc giám định tư pháp và định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

8. Lĩnh vực tài nguyên nước: Tổ chức triển khai Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long, sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025. Hoàn thành và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát việc khai thác sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện việc cấp phép và cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Quan trắc, theo dõi, chia sẻ thông tin về các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công. Triển khai các chủ trương, chính sách trong chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.

9. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa

chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược khoáng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Triển khai điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, xây dựng và tiềm năng, trữ lượng các loại khoáng sản là kim loại, đất hiếm phục vụ cho việc sản xuất pin, lưu trữ năng lượng, lắp ráp các thiết bị, phương tiện thân thiện với môi trường. Phối hợp với các địa phương rà soát lại toàn bộ quy trình cấp và quản lý giấy phép khai thác khoáng sản; tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

10. Lĩnh vực biển và hải đảo: Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo. Xây dựng dữ liệu số về biển, đảo; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra đối với các dự án giao khu vực biển để nhận chìm, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết hồ sơ khảo sát đầu tư điện gió ngoài khơi.

11. Lĩnh vực môi trường: Tuyên truyền, phổ biến, vận động, hình thành các cộng đồng dân cư văn hóa, văn minh môi trường, sinh thái; ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia và hướng dẫn công nghệ xử lý rác thải. Đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, tập trung vào các nhóm đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

12. Lĩnh vực khí tượng thủy văn: Tiếp tục rà soát hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật khí tượng thủy văn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; triển khai Chiến lược phát triển ngành KTTV giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Tăng cường công tác dự báo cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai nhất là trong mùa mưa bão. Triển khai đề án tổng thể Đề án tổng thể quản lý thông tin-cảnh báo sớm trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi và trung du.

13. Lĩnh vực biến đổi khí hậu: Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050; Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26 về BĐKH; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban chỉ đạo COP26. Cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) năm 2022 và Thông báo Thích ứng của Việt Nam phù hợp lộ trình phát thải ròng bằng “0” và các cam kết của Việt Nam tại COP26, hoàn thành trong tháng 10/2022 trước Hội nghị COP27. Triển khai xây dựng Đề án Việt Nam tham gia Hội nghị COP27 tại Ai Cập.

14. Về lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám: Vận hành Cổng thông tin

địa lý quốc gia cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian địa lý cho các Bộ, ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số. Tổ chức bàn giao dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000 cho địa phương để khai thác, sử dụng. Ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, nguồn nước xuyên biên giới, môi trường, biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, giám sát khai thác mỏ trái phép...

15. Công tác đào tạo, truyền thông: Tập trung tuyên truyền, thực hiện các ấn phẩm về các thành tựu của Bộ và ngành tài nguyên và môi trường; các hoạt động chào mừng Lễ kỷ niệm chào mừng 20 năm ngày thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường (05/8/2002 - 05/8/2022). Chủ động truyền thông về những vấn đề lớn cần hoàn thiện trong chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai. Các Trường tăng cường phối hợp với các Viện nghiên cứu, các đơn vị quản lý nhà nước xây dựng chương trình đào tạo và phối hợp đào tạo để bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của ngành.

16. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường: Các tiêu ban chủ động, bám sát chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt, đề xuất tổ chức các hoạt động bảo đảm ý nghĩa, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả. Các đơn vị trực thuộc phát động phong trào thi đua, lao động, sản xuất, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí vui tươi, phấn khởi để lập thành tích chào mừng 20 năm ngày thành lập Bộ./.